

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2022/DS-PT

Ngày 03 - 8 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng

**- Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Tấn Tạng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 208/2022/QĐ- PT ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 457, Tổ 9, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Ánh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H:* Ông Trần Văn N là Luật sư của Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B:* Ông Trần Văn N là Luật sư của Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T, bà H, ông N và ông B có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Vào ngày 09/12/2020 âm lịch bà T cho bà Trương Thị Ánh H vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, không xác định thời hạn vay. Bà H vay sử dụng vào mục đích gì không biết, khi cho vay có biên nhận nợ, bà H đóng lãi được một tháng số tiền 3.200.000 đồng vào ngày 09/01/2021 âm lịch và bà có ghi vào sổ. Sau đó, ngày 09/02/2021 âm lịch bà H trả số tiền vốn 30.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà H vay của bà 04 lần khác. Trong đó có lần vay số tiền 50.000.000 đồng biên bản mượn tiền ngày 24/12/2020 âm lịch, đến ngày 24/02/2021 âm lịch bà H trả vốn 50.000.000 đồng và đóng lãi 4.000.000 đồng (đã trả xong). Khi bà H trả tiền thì xóa phần họ tên, chữ ký của bà H trong biên bản mượn tiền, biên nhận chưa xóa là chưa trả tiền.

Ngày 09/3/2021, bà nhiều lần nhắc bà H đóng lãi và trả vốn nhưng bà H nói đã trả xong.

Nay bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B trả cho bà T số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất pháp luật quy định 10%/năm.

*Bị đơn bà Trương Thị Ánh H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Vào ngày 09/12/2020 âm lịch bà vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng, có biên bản mượn tiền, bà ký và viết họ tên Trương Thị Ánh H ở phần người mượn tiền. Tuy nhiên, Biên bản mượn tiền ngày 09/12/2020 âm lịch bà T giao nộp tại phần ghi người mượn tiền có chữ ký tên và chữ viết họ tên Trương Thị Ánh H không phải chữ ký tên và chữ viết của bà. Khi vay không xác định thời hạn, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, bà đóng lãi được số tiền 3.000.000 đồng. Mục đích vay để cho người anh họ làm chi phí mổ tim cho con.

Ngày 09/02/2021 âm lịch bà trả cho bà T số tiền vốn 30.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Đến ngày 24/02/2021 âm lịch bà trả cho bà T 50.000.000 đồng và đóng lãi 4.000.000 đồng cho 02 tháng tiền lãi. Khi trả tiền bà T đưa sổ có biên bản mượn tiền mà bà vay, bà ghi chữ R phía trước phần chữ họ tên, địa chỉ của bà chứ không ghi ở phần người mượn tiền và xóa phần họ tên, chữ ký tại phần người mượn tiền. Bà H trình bày ngoài lần vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng thì không vay số tiền nào khác. Tại phiên tòa bà H trình bày có vay của bà T nhiều lần, không nhớ cụ thể đã trả xong.

Nay bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà T vì đã trả xong. Trường hợp xác định có nợ thì bà và ông B cùng liên đới trả nợ.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C xét xử:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền vốn vay và lãi là 55.256.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Về án phí: Bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B liên đới phải nộp 2.762.800 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.480.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015609 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí giám định: Bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 12.870.000 đồng (đã nộp xong). Bà H, ông B phải hoàn trả chi phí giám định cho bà T số tiền là 12.510.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 03/3/2022, bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị B buộc bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B trả số tiền vay 55.256.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và ông B trình bày: Vào ngày 09/12/2020 âm lịch bà H vay của bà T 80.000.000 đồng, vay không xác định thời hạn, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, bà H đóng lãi 3.000.000 đồng, bà H vay tiền để cho người anh họ làm chi phí mổ tim cho con, ngày 09/02/2021 âm lịch bà H trả 30.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng, ngày 24/02/2021 âm

lịch bà H trả 50.000.000 đồng tại nhà bà T tiền mệnh giá 500.000 đồng. Kết luận giám định của Biên bản mượn tiền ngày 24/12/2020 chưa đủ cơ sở kết luận chữ ký của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T, chấp nhận kháng cáo của bà H và ông B.

Bà Nguyễn Thị B thống nhất bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị B buộc bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B trả số tiền vay 55.256.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T trình bày ngày 09/12/2020 ÂL cho bà H vay số tiền 80.000.000 đồng được bà H thừa nhận. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, bà H vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng.

Bà H trình bày đã trả cho bà T 30.000.000 đồng vào ngày 09/02/2021 âm lịch và 50.000.000 đồng vào ngày 24/02/2021 âm lịch, tổng cộng 80.000.000 đồng, bà T thừa nhận bà H trả 30.000.000 đồng vào ngày 09/02/2021 âm lịch, còn 50.000.000 đồng bà H trả ngày 24/02/2021 âm lịch của lần vay ngày 24/12/2020 ÂL.

Bà H cho rằng “Biên bản mượn tiền” ngày 09/12/2020 ÂL mà T giao nộp cho Tòa án thì tại phần ghi người mượn tiền có chữ ký tên và chữa viết họ tên Trương Thị Ánh H không phải chữ ký tên và chữa viết của bà H. Bà H xác định vay số tiền 80.000.000 đồng ngày 09/12/2020 ÂL không có vay tiền của bà T lần nào khác. Tuy nhiên, bà T trình bày ngoài lần vay ngày 09/12/2020 ÂL bà H còn vay 04 lần khác: Ngày 20/9/2020 ÂL; ngày 26/9/2020 ÂL; ngày 12/11/2020 ÂL; ngày 24/12/2020 ÂL. Các lần vay này bà H đã trả vốn và lãi xong.

Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu giám định “Biên bản mượn tiền” ngày 09/12/2020 ÂL, bà T yêu cầu giám định các tờ “Biên bản mượn tiền” ngày 20/9/2020 ÂL; ngày 26/9/2020 ÂL; ngày 12/11/2020 ÂL; ngày 24/12/2020 ÂL. Tại Kết luận giám định số: 1014/KL-KTHS, ngày 08/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp xác định: “Biên bản mượn tiền” ngày 09/12/2020 ÂL tại phần chữa viết họ tên Trương Thị Ánh H trên tài liệu cần giám định so với chữa viết của Trương Thị Ánh H trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết ra. Tại Kết luận giám định số: 1017/KL-KTHS, ngày 09/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp xác định các tờ “Biên bản mượn tiền” ngày 20/9/2020 ÂL; ngày 26/9/2020 ÂL; ngày 12/11/2020 ÂL tại phần chữa viết họ tên Trương Thị Ánh H trên tài liệu cần giám định so với chữa viết của Trương Thị Ánh H trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết ra. Riêng tờ “Biên bản mượn tiền” ngày 24/12/2020 ÂL chưa đủ cơ sở kết luận. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận có vay của bà T nhiều lần không nhớ cụ thể và đã trả xong trước ngày 24/02/2021 âm lịch. Như vậy, “Biên bản mượn tiền” ngày 09/12/2020 ÂL bà T cung cấp bà H trả số tiền 30.000.000 đồng, bà H không có chứng cứ chứng minh trả cho bà T 50.000.000 đồng, bà T chứng minh bà H đã vay tiền nhiều lần. Việc bà T yêu cầu bà H trả 50.000.000 đồng của “Biên bản mượn tiền” ngày 09/12/2020 ÂL là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T là có căn cứ.

Bà T và bà H thống nhất vay tiền có thỏa thuận lãi suất, bà T trình bày lãi suất 4%/tháng, còn bà H trình bày lãi suất 5%/tháng, nhưng bà T, bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà T thừa nhận bà H đóng lãi được một tháng, còn bà H trình bày đóng lãi 3.000.000 đồng. Như vậy, bà T xác nhận bà H đóng một tháng tiền lãi là có căn cứ.

Bà T yêu cầu trả lãi từ ngày 09/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/3/2022 là 12 tháng 20 ngày, với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp, cụ thể: 50.000.000 đồng x 0,83% x 12 tháng 20 ngày = 5.256.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B trình bày, bà H vay tiền của bà T có nói cho ông biết, bà H có nợ bà T thì ông thống nhất cùng trả nợ. Vì vậy, ông B có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ cho bà T là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H và ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà H và ông B là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy

định của pháp luật, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và ông B là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[6] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo của bà H và ông B không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B tổng số tiền vốn vay và lãi là 55.256.000 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B liên đới phải chịu 2.762.800 đồng (Hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.480.000 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015609 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí giám định:

Bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 12.870.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng), đã nộp xong.

Bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B phải trả lại chi phí giám định cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 12.510.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Ánh H và ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0009002 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS. (Tú)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí Dũng**

